

Đề thi giữa kì lớp 3 môn Tiếng Anh - Đề 1

Bản quyền thuộc về VnDoc nghiêm cấm mọi hành vi sao chép vì mục đích thương mại

I/ Choose the odd one out

- | | | | |
|-------------|----------|--------|---------|
| 1. A. Bye | B. Hello | C. Hey | D. Hi |
| 2. A. spell | B. your | C. go | D. sing |
| 3. A. you | B. he | C. she | D. is |

II/ Unscramble the following words

- | | | | | | |
|------------|---|-------|---------|---|-------|
| 1. STAHNK | : | _____ | 2. WNO | : | _____ |
| 3. DBYOGOE | : | _____ | 4. NIEF | : | _____ |

III/ Choose the correct answer A, B, C or D

1. Let's go _____!
- A. school
- B. park
- C. together
- D. house
2. A: Good morning, children!
- B: Good morning, _____!
- A. He
- B. She
- C. Teacher
- D. You
3. How do you _____ your name?
- A. spell
- B. is
- C. are

D. not

4. Goodbye. _____ you soon.

A. What

B. See

C. How

D. Are

5. Nice _____ meet you.

A. too

B. two

C. to

D. see

IV/ Read the following text and choose the correct answer

My name _____ (1) Hung. I _____ (2) from Vietnam. I am (3) _____ years old. I have got a family. We are a family of six. I have got a mother, a father, two (4) _____ and a sister. My brothers' (5) _____ are Sam and Dan. They're twins

- | | | | |
|--------------|----------------|-------------|------------|
| 1. A. am | B. is | C. are | D. do |
| 2. A. red | B. are | C. am | D. does |
| 3. A. yellow | B. ten | C. to | D. fine |
| 4. A. baby | B. grandmother | C. brothers | D. brother |
| 5. A. name | B. names | C. years | D. family |

V/ Reorder these word to have correct sentences

1. today/ How/ you/ are/ Linda/ ?/,/

2. too/ meet/ Nice/ you/ to/ ./ ,/

3. See/ again/ you/ ./

4. spell/ How/ they/ do/ names/ their/ ?/

-The end-

Đáp án đề thi giữa kì lớp 3 môn Tiếng Anh - Đề 1

I/ Choose the odd one out

1. A 2. B 3. D

II/ Unscramble the following words

1. THANKS
2. NOW
3. GOODBYE
4. FINE

III/ Choose the correct answer A, B, C or D

1. C 2. C 3. A 4. B 5. C

IV/ Read the following text and choose the correct answer

1. B 2. C 3. B 4. C 5. B

V/ Reorder these word to have correct sentences

1. How are you today, Linda?
2. Nice to meet you, too.
3. See you again.
4. How do they spell their names?

Mời các bạn tham khảo thêm nhiều tài liệu Tiếng Anh lớp 3 hay và miễn phí tại:
<https://vndoc.com/tieng-anh-lop-3-chat-luong-cao>